

DANH SÁCH CÁC THỬA ĐẤT ĐỀ NGHỊ BAN HÀNH THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT

**Dự án: Xây dựng đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước
đoạn đi qua phường Đồng Phú, thành phố Đồng Nai**

(Kèm theo Tờ trình số 261/TTr-KTHTĐT ngày 03/6/2026 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị)

TT	Tên chủ sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Địa chỉ thường trú	Tờ BD	Số thửa	Diện tích đất thu hồi (m ²)	MĐSD đất	Ghi chú
1	Ông Hoàng Xuân Thụy cùng vợ là bà Nguyễn Thị Việt	khu phố Tân Liên, phường Đồng Phú	Khu phố Tân An, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Nai	1	11	259 m ² (trong đó có 60,2 m ² thuộc HLBV đường bộ)	CLN	Tân phú
2	Ông Vũ Văn Thắng	khu phố Tân Liên, phường Đồng Phú	Khu phố Tân Liên, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Nai	1	13	242,4	CLN	Tân phú
3	Bà Bùi Thanh Thảo	khu phố Tân Liên, phường Đồng Phú	Khu phố Tân Liên, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Nai	1	19	102,2	CLN	Tân phú
4	Ông Bùi Xuân Thương	khu phố Tân Liên, phường Đồng Phú	Khu phố Tân Liên, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Nai	1	20	50,4	CLN	Tân phú
5	Ông Hoàng Xuân Thụy	khu phố Tân Liên, phường Đồng Phú	Khu phố Tân An, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Nai	1	23	574,0	CLN	Tân phú
6	Ông Nguyễn Văn Hội	khu phố Tân Liên, phường Đồng Phú	Xã Vĩnh Thuận, thành phố Hải Phòng.	3	9	274,7	CLN	Tân phú
7	Ông Nguyễn Thanh Nguyên	khu phố Tân An, phường Đồng Phú	Khu phố Tân Liên, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Nai	3	10	86,8	CLN	Tân phú
8	Ông Hoàng Cao Khải	khu phố Tân An, phường Đồng Phú	Khu phố Tân An, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Nai	3	11	95,2	CLN	Tân phú
9	Ông Hoàng Ngọc Thu	khu phố Tân An, phường Đồng Phú	Phường Bình Phước, TP Đồng Nai	3	12	85,6	CLN	Tân phú
10	Bà Bùi Tú Linh	khu phố Tân An, phường Đồng Phú	Phường Đồng Phú, thành phố Đồng Nai	3	14	156,1	CLN	Tân phú
11	Bà Bùi Tú Linh	khu phố Tân An, phường Đồng Phú	Phường Đồng Phú, thành phố Đồng Nai	3	15	29,2	CLN	Tân phú

12	Bà Nguyễn Thị Thanh Nga	khu phố Tân An, phường Đồng Phú	Khu phố Tân An, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Nai	3	19	194,6	ODT + CLN	Tân Phú
13	Bà Nguyễn Thị Thanh Nga	khu phố Tân An, phường Đồng Phú	Khu phố Tân An, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Nai	3	20	87,1	ODT + CLN	Tân Phú
14	Bà Nguyễn Thị Hoan cùng chồng là Nguyễn Văn Dũng	khu phố Tân An, phường Đồng Phú	Khu phố Tân An, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Nai	3	22	162,7	ODT + CLN	Tân Phú
15	Ông Phạm Quang Thắng	khu phố Tân An, phường Đồng Phú	Khu phố Tân An, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Nai	3	23	180,2	ODT + CLN	Tân Phú
16	Ông Phạm Quang Thắng	khu phố Tân An, phường Đồng Phú	Khu phố Tân An, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Nai	3	24	179,1	ODT-CLN	Tân Phú
17	Ông Lê Hoàng Công	khu phố Tân An, phường Đồng Phú	Phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai	3	25	72,8	CLN	Tân phú
18	Ông Nguyễn Văn Quế	Khu phố 3, phường Đồng Phú	Khu phố 3, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Nai	4	18	150,5 m ² (trong đó có 20,8 m ² thuộc HLBVĐB)	Đất ở nông thôn (nay là đất ở đô thị) và đất trồng cây lâu năm	Tân Lập
19	Hộ ông Sơn Thái Tòng	Khu phố 3, phường Đồng Phú	Khu phố 3, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Nai	4	19	245,2 m ² (trong đó có 14,8 m ² thuộc HLBVĐB)	Đất ở nông thôn (nay là đất ở đô thị) và đất trồng cây lâu năm	Tân Lập
20	Ông Nguyễn Minh Thành	Khu phố 3, phường Đồng Phú	Khu phố 3, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Nai	4	20	337,9	Đất ở nông thôn (nay là đất ở đô thị) và đất trồng cây lâu năm	Tân Lập
21	Hộ bà Cuốn Thê Kim Thủy	Khu phố 3, phường Đồng Phú	Khu phố 3, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Nai	4	21	11,5	CLN	Tân Lập
22	Ông Nguyễn Văn Long cùng vợ là bà Nguyễn Thị Vân Anh	Khu phố 3, phường Đồng Phú	Khu phố 4, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Nai	4	22	304,8 m ² (trong đó có 9,5m ² thuộc HLBVĐB)	CLN	Tân Lập
23	Bà Nguyễn Thị Vân Anh	Khu phố 3, phường Đồng Phú	Khu phố 4, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Nai	4	23	236,7 m ² (trong đó có 2,4m ² thuộc HLBVĐB)	CLN	Tân Lập
24	Hộ bà Lâm Thị Minh	Khu phố 3, phường Đồng Phú	Khu phố 4, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Nai	4	24	41,9	CLN	Tân Lập

25	Bà Phạm Thị Hương	Khu phố 3, phường Đồng Phú	Phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai	4	25	449,7 m ² (trong đó có 12,1m ² thuộc HLBVĐB)	Đất ở nông thôn (nay là đất ở đô thị) và đất trồng cây lâu năm	Tân Lập
26	Ông Nguyễn Văn Hoàng	Khu phố 3, phường Đồng Phú	Phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	4	26	230,6 m ² (trong đó có 9,9m ² thuộc HLBVĐB)	Đất ở nông thôn (nay là đất ở đô thị) và đất trồng cây lâu năm	Tân Lập
27	Hộ ông Đỗ Văn Thông và vợ là bà Nguyễn Thị Lệ Nga	Khu phố 3, phường Đồng Phú	Khu phố 3, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Nai	4	28	109,9 m ² (trong đó có 12 m ² thuộc HLBVĐB)	CLN	Tân Lập
28	Ông Lê Minh Hoàng	Khu phố 3, phường Đồng Phú	Khu phố 3, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Nai	4	29	173,1 m ² (trong đó có 7,2 m ² thuộc HLBVĐB)	Đất ở nông thôn (nay là đất ở đô thị) và đất trồng cây lâu năm	Tân Lập
29	Ông Lê Đăng Quỳnh	Khu phố 3, phường Đồng Phú	Khu phố 3, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Nai	4	32	319,2	Đất ở nông thôn (nay là đất ở đô thị) và đất trồng cây lâu năm	Tân Lập
30	Bà Đào Hồng Ngân Hà	Khu phố 3, phường Đồng Phú	Phường Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh	4	34	348,4	CLN	Tân Lập
31	Ông Nguyễn Văn Điệp Phương cùng vợ là bà Nguyễn Thị Xuân Đào	Khu phố 3, phường Đồng Phú	Xã Long An, tỉnh Tây Ninh	4	35	287 m ² (trong đó có 2,6 m ² thuộc HLBVĐB)	Đất ở nông thôn (nay là đất ở đô thị) và đất trồng cây lâu năm	Tân Lập
32	Hộ ông Tô Văn Trọng	Khu phố 3, phường Đồng Phú	Khu phố 3, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Nai	4	36	512,4 m ² (trong đó có 10,8 m ² thuộc HLBVĐB)	Đất ở nông thôn (nay là đất ở đô thị) và đất trồng cây lâu năm	Tân Lập
33	Hộ bà Nguru Thị Rên	Khu phố 3, phường Đồng Phú	Khu phố 3, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Nai	4	37	190,8m ² (trong đó có 12,1 m ² thuộc HLBVĐB)	Đất ở nông thôn (nay là đất ở đô thị) và đất trồng cây lâu năm	Tân Lập
34	Bà Đồ Thị Thành	Khu phố 3, phường Đồng Phú	Xã Nghĩa Hưng, Ninh Bình	4	41	411,8 m ² (trong đó có 0,4m ² thuộc HLBVĐB)	Đất ở nông thôn (nay là đất ở đô thị) và đất trồng cây lâu năm	Tân Lập

35	Hộ ông Ngưu Truyền	Khu phố 3, phường Đồng Phú	Khu phố 3, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Nai	4	42	144,6	Đất ở nông thôn (nay là đất ở đô thị) và đất trồng cây lâu năm	Tân Lập
36	Hộ ông Giang Hồng Thái cùng vợ là bà Giang Thị Thưa	Khu phố 3, phường Đồng Phú	Khu phố 3, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Nai	4	43	41,9	CLN	Tân Lập
37	Ông Nguyễn Quốc Huy	Khu phố 3, phường Đồng Phú	Khu phố 3, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Nai	4	51	294,8 m ² (trong đó có 266,7 m ² thuộc quy hoạch khu TTHC xã)	CLN	Tân Lập
38	Ông Nguyễn Tuấn Anh	Khu phố 3, phường Đồng Phú	Khu phố 4, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Nai	4	52	8,7	CLN	Tân Lập
39	Ông Nguyễn Tuấn Anh	Khu phố 3, phường Đồng Phú	Khu phố 4, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Nai	4	53	387,5m ² (trong đó có 1,2 m ² thuộc HLBVĐB)	BHK	Tân Lập
40	Ông Nguyễn Tuấn Anh	Khu phố 3, phường Đồng Phú	Khu phố 4, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Nai	4	54	1329,3 m ² (trong đó có 17,9 m ² thuộc HLBVĐB)	CLN	Tân Lập
Tổng						3.827,2		